

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 3 - 2026

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

2. Ông Bùi Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Q, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã H, thành phố Hải Phòng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy K, sinh năm 1997 - Luật sư Công ty L và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (vắng mặt).

Địa chỉ: Số I T, phường Y, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà C, ngõ I, đường T, phường V, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05 tháng 02 năm 2026 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Lê Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Việt H đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 7 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc cũ. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, bà về ở và làm ăn chung với gia đình ông H tại số nhà C, ngõ I, đường T, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc cũ. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bà bình thường. Đầu năm 2019, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do vợ chồng bà không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau.

Vợ chồng bà sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay, không dàn xếp gì. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Việt H.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Bảo A, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2015. Hiện nay, cháu A đang ở với bà. Ly hôn, bà xin được nuôi cháu A, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức đóng góp: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Bà và ông H không có tài sản cho ai vay và không vay của ai tài sản gì.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Việt H, quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 05/3/2026, ông H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Q đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 7 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc cũ. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, bà Q về ở và làm ăn chung với gia đình ông tại số nhà C, ngõ I, đường T, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc cũ. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng ông bình thường. Đầu năm 2019, vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng ông sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay, không dàn xếp gì. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Lê Thị Q.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Bảo A, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2015. Hiện nay, cháu A đang ở với bà Q. Ly hôn, ông tự nguyện để bà Q nuôi dưỡng cháu A. Ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức đóng góp: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Ông và bà Q không có tài sản cho ai vay và không vay của ai tài sản gì.

Sau đó, ông Nguyễn Việt H đã được Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng ông H vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật được. Ông H không có yêu cầu phản tố. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông H không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do bà Q cung cấp.

Ông Nguyễn Huy K là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt và có gửi quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị Q. Ông K đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Q được ly hôn ông Nguyễn Việt H và đề nghị giao cháu Nguyễn Lê Bảo A cho bà Q nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, như: Cung cấp đầy đủ, kịp thời các chứng cứ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án cho Tòa án, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Q, cho bà Q được ly hôn ông Nguyễn Việt H; về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Bảo A cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí: Bà Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Do bị đơn ông Nguyễn Việt H có nơi cư trú tại phường V, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc không tiến hành hòa giải được, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng ông H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên không đến Tòa án; bà Q có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được là phù hợp theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Q, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Huy K và bị đơn ông Nguyễn Việt H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng bà Q, ông K, ông H đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông H xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của bà Q và ông H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình giải quyết tại Tòa án, bà Q cương quyết xin ly hôn còn ông H đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Q, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông H đã xảy ra mâu thuẫn căng thẳng từ đầu năm 2019 và ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Nguyên nhân theo lời trình bày của bà Q và ông H là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay bà Q xin ly hôn, ông H đồng ý ly hôn. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Q là có căn cứ vì cuộc sống vợ chồng giữa bà Q và ông H không có hạnh phúc, quan hệ hôn nhân đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của bà Q và ông H không đạt được nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Q.

- Về con chung: Vợ chồng bà Q, ông H có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Bảo A, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2015. Hiện nay, cháu A đang ở với bà Q. Quá trình giải quyết vụ án, bà Q xin được nuôi cháu A, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H có quan điểm để bà Q nuôi cháu A; ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà Q về việc được trực tiếp nuôi con là chính đáng. Tòa án đã lấy lời khai của cháu A. Cháu A có nguyện vọng được ở bà Q nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Q để giao cháu A cho bà Q nuôi dưỡng là phù hợp. Bà Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức đóng góp: Vì bà Q, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về công nợ: Bà Q và ông H xác nhận vợ chồng không có tài sản cho ai vay và không vay của ai tài sản gì.

[3]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[4]. Về án phí: Bà Lê Thị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Nguyễn Việt H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho bà Lê Thị Q được ly hôn ông Nguyễn Việt H.
2. Về con chung:
 - 2.1. Bà Lê Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Bảo A, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2015. Ông Nguyễn Việt H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
 - 2.2. Ông Nguyễn Việt H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.
3. Về án phí: Bà Lê Thị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001034 ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Bà Q đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 9 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND phường V, tỉnh Phú Thọ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Thảo